TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:42/2025/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2025
" V/v ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đồng D
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quang C
Bà Dương Thị Thu H

Thư ký Toà án phiên toà: Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thảo Y - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2025 về việc giải quyết ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/DSST - QĐXX ngày 27/08/2025 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tam Đô, Ân Thi, Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Thanh T, sinh năm 2014

Người đại diện cho cháu T: Chị L

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/5/2025 của chị L và các lời khai của chị L, anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng vào năm 2014. Cuộc sống vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị L trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình anh Đ được thời gian ngắn rồi vợ chồng ra Quảng Ninh làm ăn, do hoàn cảnh gia đình chỉ có mẹ già nên vợ chồng chị quyết định về chung sống cùng mẹ chị ở thôn Tam Đỗ, xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi), hiện vợ chồng vẫn cư trú, làm ăn tại địa phương, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, do cách cư xử đối xử không tôn trọng đã dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bản thân anh Đ không tôn trọng mẹ chị, không tôn trọng chị, có nhiều lời nói, hành động xúc phạm đến gia đình, cuộc sống trong gia đình đảo lộn, bản thân gia đình cũng như chị đã cố gắng tìm nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả gì, năm 2019 vợ chồng đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Ân Thi nhưng sau đó anh Đ đã xin lỗi, mong muốn cho cơ hội để sửa chữa, vì thương con và cũng muốn anh Đ thay đổi nên chị đã rút đơn, tuy nhiên cuộc sống sau này bản chất con người anh Đ vẫn vậy, không có thay đổi gì, mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng việc ai

người đó tự lo, chấm dứt mọi quan hệ. Chị L xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như anh Đ trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau dẫn đến xô xát, cãi nhau, mặc dù vẫn ở cùng nhà nhưng vợ chồng ít nói chuyện với nhau, việc ai người đó làm, quan hệ vợ chồng chấm dứt từ lâu, bản thân anh Đ mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nên anh không nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng chị L, anh Đ có 02 con chung tên Đỗ Tiến Dũng, sinh năm 2004 và Đỗ Thanh T, sinh năm 2014, cháu Dũng đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên vợ chồng không có yêu cầu gì. Đối với cháu T vợ chồng đều có nguyện vọng được nuôi, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L, anh Đ không yêu cầu giải quyết.

Đại diện gia đình chị L (bà Lệ) có ý kiến: Bà Lệ là mẹ đẻ chị L, mẹ vợ anh Đ, hai anh chị tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại quê anh Đ, sau khi lấy nhau vợ chồng chị L về sinh sống cùng bà ở địa phương, trong cuộc sống bà Lệ nhìn nhận vợ chồng chị L không hòa thuận, bản thân anh Đ thường xuyên uống rượu, chửi, xúc phạm bà và vợ rất nhiều, bà cũng nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ không có thay đổi gì, cách cư xử, đối xử của anh Đ đối với gia đình ngày càng quá đáng hơn, khoảng năm 2019 chị L làm đơn ly hôn tại Tòa án huyện Ân Thi, khi mở phiên tòa thì anh Đ khóc, xin lỗi gia đình, bà cũng động viên chị L là cho anh Đ có cơ hội sửa chữa, vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi các con chung, chị L nhất trí, sau khi về nhà thì anh Đ vẫn không hối lỗi, không thay đổi, anh Đ vẫn thường xuyên chửi bà, chửi chị L, nhiều lần càm dao đe dọa và đánh chị L rất nhiều, hàng xóm, trưởng thôn đã đến can ngăn, hòa giải. nay cuộc sống vợ chồng chị L có quá nhiều mâu thuẫn, bà không thể chấp nhận anh Đ được, mong muốn Tòa án sớm giải quyết để chị L được ly hôn anh Đ. Vợ chồng chị L có 02 con chung Đỗ Tiến Dũng, sinh năm 2004 và Đỗ Thanh T, sinh năm 2014. Hai cháu đang ở cùng vợ chồng chị L và bà. Vợ chồng chị L có hay không có tài sản chung bà không biết.

Xác minh với trưởng thôn Tam Đô, xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Vợ chồng chị L, anh Đ hiện đang sinh sống ở địa phương, vợ chồng ở cùng nhà bố mẹ chị L, cuộc sống vợ chồng chị L cũng có mâu thuẫn, khoảng tuần nay vợ chồng có xích mích, anh Đ cầm dao đe dọa mẹ con chị L… thôn đã trực tiếp đến gia đình hòa giải, ở địa phương anh Đ làm thợ xây, khi uống rượu thường quậy phá gia đình, vợ chồng chị L có 02 con chung, cháu lớn đã hơn 18 tuổi, cháu bé hơn 10 tuổi.

Xác minh với Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám, Ân Thi, Hưng Yên thể hiện: Vợ chồng chị L, anh Đ không đăng ký kết hôn ở địa, đăng ký kết hôn tại quê của anh Đ ở Hải Phòng. Vợ chồng hiện đang cư trú, sinh sống ở thôn Tam Đô, xã Hoàng Hoa Thám, Ân Thi, Hưng Yên. Trong cuộc sống vợ chồng chị L có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì vợ chồng chị L chưa có đơn hay báo cáo gì với địa phương. Vợ chồng chị L có hai con chung Đỗ Tiến Dũng, sinh năm 2004 và Đỗ Thanh T, sinh năm 2014, hai con chung đang ở cùng vợ chồng chị L. Vợ chồng chị L có hay không có tài sản chung địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa:

Chị L có quan điểm: Chị L giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn anh Đ, về con chung có nguyện vọng được nuôi cháu Đỗ Thanh T đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Anh Đ có quan điểm: Vợ chồng có mâu thuẫn, mong muốn được đoàn tụ. Về con chung có nguyện vọng được nuôi và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Cháu T có quan điểm: Cháu T có nguyện vọng ở với mẹ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 73 78 BLTTDS.

- Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điều 28, 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu T đủ 18 tuổi, tự lập được, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn chị với anh Đỗ Văn Đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Đỗ văn Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tam Đô, xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Ân Thi) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS và

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là TAND khu vực 1 – Hưng Yên) thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về việc kết hôn của vợ chồng chị L, anh Đ: Chị L, anh Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào năm 2014, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị L, anh Đ là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị L có đơn xin ly hôn được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa chị L, anh Đ không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và cả hai đều không tự giải quyết được, mặt khác Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Đ để hòa giải, vợ chồng tìm ra giải pháp để tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại nhưng anh Đ đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh Đ không có thiện chí đoàn tụ gia đình, đồng thời bản thân hai bên không ai còn quan tâm, trách nhiệm với ai, chấm dứt mọi quan hệ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Đ.

Về con chung: Chị L, anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thanh T, sinh năm 2014 đến tuổi thành niên, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm, nguyện vọng của chị L, anh Đ là chính đáng, thể hiện được tình cảm cũng như trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con chưa thành niên, tuy nhiên việc giao cháu T cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của các bên. Chị L, anh Đ đều có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên cháu T có nguyện vọng được ở với chị L. Để bảo đảm sự ổn định về phát triển tâm sinh lý cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung cần thiết giao cháu T cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Văn T, sinh năm 2014 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001500 ngày 21/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tiến, Hải Phòng;;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng D